

重慶環狀線駅名 1/3

No	駅名	メモ
1	chóng qìng xī zhàn 重庆西站	
2	shàng qiáo zhàn 上桥站	
3	fèng míng shān zhàn 凤鸣山站	
4	chóng qìng tú shū guǎn zhàn 重庆图书馆站	
5	tiān xīng qiáo zhàn 天星桥站	
6	shā píng bà zhàn 沙坪坝站	
7	chóng qìng dà xué zhàn 重庆大学站	
8	yù dài shān zhàn 玉带山站	
9	nán qiáo sì zhàn 南桥寺站	
10	tǐ yù gōng yuán zhàn 体育公园站	
11	rǎn jiā bà zhàn 冉家坝站	

重慶環狀線駅名 2/3

No	駅名	メモ
12	dòng bù gōngyuán zhàn 动步公园站	
13	hóng hú dōng lù zhàn 洪湖东路站	
14	mín ān dà dào zhàn 民安大道站	
15	chóng qìng běi zhàn nán guǎng chǎng zhàn 重庆北站南广场站	
16	yú lǔ zhàn 渝鲁站	
17	wǔ lǐ diàn zhàn 五里店站	
18	dàn zǐ shí zhàn 弹子石站	
19	tú shān zhàn 涂山站	
20	rén jì zhàn 仁济站	
21	shàng xīn jiē zhàn 上新街站	
22	shàng hào zhàn 上浩站	

重慶環狀線駅名 3/3

No	駅名	メモ
23	hǎi táng xī zhàn 海棠溪站	
24	luō jiā bà zhàn 罗家坝站	
25	sì gōng lǐ zhàn 四公里站	
26	nán hú zhàn 南湖站	
27	hǎi xiá lù zhàn 海峡路站	
28	xiè jiā wān zhàn 谢家湾站	
29	ào tǐ zhōng xīn zhàn 奥体中心站	
30	chén jiā píng zhàn 陈家坪站	
31	cǎi yún hú zhàn 彩云湖站	
32	èr láng zhàn 二郎站	
33	huá lóng zhàn 华龙站	